TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:121/2020/HS-ST
Ngày 31-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Hường;

2.Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với:

Bị cáo Đặng Hồng S sinh ngày 27/7/1997 tại: Huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Xuân H sinh năm 1971 và bà: Phạm Thị T sinh năm 1977; vợ, con: chưa có

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Quyết định số 09/QĐUB ngày 03/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội đưa vào T giáo dưỡng thời hạn 24 tháng, ngày 13/10/2013 chấp hành xong. Bản án số 253/HSST ngày 30/11/2015 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong án phạt tù ngày 04/01/2016, chấp hành xong án phí ngày 30/11/2015. Bản thân thuộc hộ cận nghèo

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Chí D: Trợ giúp viên pháp lý – Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

Bị hại: - Anh Hoàng Huy T sinh năm 1997

- Chị Nguyễn Thị P sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến M sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt: bị cáo, ông Diên và ông M, vắng mặt anh T và chị P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đặng Hồng S là người nghiện chất ma túy, không có việc làm ổn định. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Đặng Hồng S và anh Hoàng Huy T là bạn, gần nhà nhau. Do biết nhà anh T khi ngủ thường không khóa cửa nên khoảng 01 giờ ngày 23/9/2020, S đi bộ một mình sang nhà anh T với mục đích trộm cắp tài sản. Đến nơi, thấy cổng khóa, cửa nhà mở, S trèo qua tường bao cao khoảng 1,5 mét vào trong sân rồi bò qua cửa nách vào phòng ngủ của anh T. Quan sát thấy anh T đang ngủ say, ở đầu giường có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8, có ốp nhựa dẻo trong suốt, đang sạc pin, S liền rút sạc, cầm chiếc điện thoại rồi bò ra sân, trèo tường ra ngoài và đi về nhà. Do điện thoại của anh T được mã hóa bằng hình vẽ nên S đã vẽ các hình thì mở được màn hình điện thoại. Sau đó, S dùng tăm chọc, tháo chiếc sim điện thoại ra, bẻ gãy, vứt đi và cầm điện thoại vào giường ngủ tiếp.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 28/9/2020, S đi bộ một mình từ nhà sang nhà chị Nguyễn Thị P để trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhận. Đến nơi, thấy cổng khép, cửa ra vào đóng, ở sân có để 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Shishiki, màu đỏ đen, không đeo biển kiểm soát, đầu xe hướng về phía tường bao bên phải theo hướng nhìn vào, xung quanh vắng người, S liền mở cổng, vào trong sân, dùng tay trái cầm ghi đông xe bên trái, tay phải cầm đuôi xe dong ra ngoài đường rồi đi đến quán sửa chữa, mua bán xe Loan M của ông Nguyễn Tiến M bán cho ông M với giá 1.500.000 đồng. Số tiền này S đã chi tiêu cá nhân, còn lại 850.000 đồng mang về nhà.

Ngày 30/9/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Phụ kết luận: Chiếc xe máy điện có trị giá 3.870.000 đồng; chiếc điện thoại có giá trị 3.000.000 đồng, 01 ốp nhựa dẻo trong suốt có giá trị 47.000 đồng, 01 sim số 0386.822.210 có giá trị 50.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 6.967.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Hồng S khai: Khoảng 01 giờ ngày 23/9/2020 bị cáo trèo qua tường bao vào nhà anh T để trộm cắp tài sản. Đến nơi bị cáo thấy ở đầu giường ngủ có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8, có ốp nhựa dẻo trong suốt, đang sạc pin, bị cáo liền rút sạc và cầm điện thoại đi về nhà, bị cáo đã mở được màn hình điện thoại, dùng tăm chọc tháo sim điện thoại ra, bẻ gãy, sau đó bị cáo đã vứt sim cùng với tăm vào thùng rác. Khoảng 13 giờ ngày 28/9/2020, bị cáo sang nhà chị P để trộm cắp tài sản, đến nơi bị cáo thấy cổng khép, cửa ra vào đóng có 01 chiếc xe điện dựng ở sân, xung quanh không có ai, bị cáo mở cổng đi vào và dong xe máy điện ra ngoài và đi đến quán mua bán xe của ông Vũ Tiến M bán xe với giá 1.500.000 đồng, số tiền bán xe bị cáo chi tiêu cá nhân và còn mang về 850.000 đồng. Bị cáo đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến M khai: Ngày 28/9/2020, ông có mua của bị cáo Đặng Hồng S 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Shishiki, màu đỏ đen, không đeo biển kiểm soát với giá 1.500.000 đồng. Ông không biết đây là xe do bị cáo trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra đã thu hồi của bị cáo và trả lại ông số tiền 850.000 đồng. Số tiền còn lại 650.000 đồng ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Quá trình điều tra, bị hại anh Nguyễn Huy T khai: Khoảng 23 giờ ngày 22/9/2020, anh để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8, có ốp nhựa dẻo trong suốt bên trong có 01 sim để ở dưới nền nhà gần đầu giường ngủ để sạc pin. Sáng ngày 23/9/2020, khi ngủ dậy anh phát hiện bị mất. Đến nay, anh đã nhận lại chiếc điện thoại cùng ốp nhựa dẻo đã bị mất. Anh không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào. Anh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, bị hại chị Nguyễn Thị P khai: Khoảng 10 giờ ngày 28/9/2020 chị có để ở sân 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Shishiki, màu đỏ đen, không đeo biển kiểm soát, đầu xe hướng về phía tường. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, chị phát hiện bị mất xe. Đến nay, chị đã nhận lại xe. Chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào. Chị đề giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 120/CT-VKSQP ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố Đặng Hồng S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đặng Hồng S về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Đặng Hồng S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với: xử phạt bị cáo Đặng Hồng S từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/10/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: không đặt ra giải quyết; Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Hồng S.

Ý kiến của người chữa cho bị cáo: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bịcáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận do nghiện ma túy, thiếu tiền chi tiêu nên bị cáo đã đi trộm cắp tài sản. Bị **c**áo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng M bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 23/9/2020, bị cáo Đặng Hồng S đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

Redmi Note 8, có ốp nhựa dẻo trong suốt, bên trong có 01 sim đang sạc pin, có trị giá 3.097.000 đồng của anh Hoàng Huy T, để ở đầu giường ngủ của anh T ở thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau đó, khoảng 13 giờ ngày 28/9/2020 Đặng Hồng S đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Shishiki, màu đỏ đen, không đeo biển kiểm soát, có giá trị 3.870.000 đồng của chị Nguyễn Thị P ở sân nhà chị P ở thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Tổng giá trị tài sản mà S trộm cắp là 6.967.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

"Điều 173.Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

……

đ) Tài sản là di vật, cổ vật

……..

5.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng",

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố và kết luận bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu, bị cáo không chịu lao động mà lại trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, lợi dụng đêm tối, thời điểm vắng người, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*thành khẩn khai báo*" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị hại có

đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã có 02 hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội từ 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị áp dụng biện pháp đưa vào T giáo dưỡng, đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Từ những nhận định nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bản thân thuộc hộ cận nghèo, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Hoàng Huy T và chị Nguyễn Thị P đã nhận lại tài sản mà bị cáo trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, ông Nguyễn Tiến M không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền mua xe của bị cáo còn thiếu nên về trách nhiệm dân sự HĐXX không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8, có ốp nhựa dẻo trong suốt; 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Shishiki, màu đỏ đen, không đeo biển kiểm soát và số tiền 850.000 đồng đã trả lại cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với chiếc tăm mà bị cáo dùng để chọc sim điện thoại, cùng với chiếc sim điện thoại bị cáo đã vứt đi nên không thu hồi được.

[8] Về án phí: Bị cáo Đặng Hồng S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Hồng S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Đều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự : Xử

phạt bị cáo Đặng Hồng S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/10/2020.

3.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4.Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Hồng S.

6.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại anh Hoàng Huy T và chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Q;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an &Chi cục THADS h. Q;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã A, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)